TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28/3/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Nguyên Kim.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Nguyễn Trung Trực;

- Ông: Thông Minh Tấn.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Nhi – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Viết Diệu Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 456/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13/11/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 08/2024/TB-TA, ngày 13/3/2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị thu H1, sinh năm 1980 (Có mặt). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn F, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ hiện tại: Thôn X, xã Z, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1975. Địa chỉ thôn F, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt)

Ông Huỳnh Văn C có đơn đề ngày 08/3/2024 xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị thu H1 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Bà Nguyễn Thị thu H1 và ông Huỳnh Văn C tự nguyện yêu thương nhau, sống chung từ năm 1997, sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2001 tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà sinh sống ở thôn F, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận; trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn được, đến năm 2010 mâu thuẫn đỉnh điểm nên vợ chồng ly thân, bà Nguyễn Thị thu H1 bỏ khỏi nhà thuê nhà ở riêng không chung sống với ông Châu từ năm 2010, đến năm 2020 bà Hà đến thôn X, xã Z, huyện H ở đến nay, ông Huỳnh Văn C hiện còn ở nhà cũ của hai vợ chồng tại thôn F, xã Y. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bà Nguyễn Thị thu H1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho ly hôn với ông Huỳnh Văn C**.**

Về con chung: Vợ chồng bà H1, ông Ccó 02 con chung tên Huỳnh Anh T1, sinh năm 1998 và Huỳnh Thị Ngọc T2, sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được và đã ly thân từ năm 2010 không còn quan tâm đến nhau, không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; ông Huỳnh Văn C đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị thu H1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Anh Tiến, sinh năm 1998 và Huỳnh Thị Ngọc Thúy, sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Huỳnh Văn C yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt nên không tuân thủ đúng quy định theo các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà Nguyễn Thị thu H1 và ông Huỳnh Văn C có đăng ký kết hôn hợp pháp; quá trình chung sống mâu thuẫn đã trầm trọng và đã ly thân thời gian dài vì vậy nguyên đơn đề nghị cho ly hôn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bà Nguyễn Thị thu H1 được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

Con chung: 02 con chung tên Huỳnh Anh Tiến, sinh năm 1998 và Huỳnh Thị Ngọc Thúy, sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên không xem xét.

Các phần khác không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

- Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị thu H1 được gửi trực tiếp đến Tòa án, có hình thức và nội dung theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bà Nguyễn Thị thu H1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Văn C. Người bị kiện có địa chỉ tại huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc xét xử vắng mặt:* Ông Huỳnh Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và nhận thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo thay đổi thời gian xét xử nhưng vắng mặt, ông Huỳnh Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn C là đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị thu H1 và ông Huỳnh Văn C là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2001 tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận (số 036/2001) thể hiện tại Giấy trích lục kết hôn số 550/2023/TLKH-BS, ngày 25/10/2023, vì vậy được pháp luật bảo vệ. Bà Nguyễn Thị thu H1 trình bày do mâu thuẫn vợ chồng bà Nguyễn Thị thu H1 và ông Huỳnh Văn C không còn sống chung với nhau từ năm 2010 đến nay, mạnh ai nấy sống không quan tâm và không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Nguyễn Thị thu H1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Huỳnh Văn C; ông Huỳnh Văn C đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị thu H1. Cả hai ông, bà không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Nguyễn Thị thu H1 và ông Huỳnh Văn C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị thu H1.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị thu H1 và ông Huỳnh Văn C có 02 con chung tên Huỳnh Anh Tiến, sinh năm 1998 và Huỳnh Thị Ngọc Thúy, sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Nguyễn Thị thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứvào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị thu H1 được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

2.Về con chung: 02 con chung tên Huỳnh Anh Tiến, sinh năm 1998 và Huỳnh Thị Ngọc Thúy, sinh năm 2003 hiện đã trưởng thành, sức khỏe bình thường, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị thu H1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0019469 ngày 03 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/3/2024). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-VKSND huyện H;
-Chi cục T.H.A.D.S huyện H;
-UBND xã nơi đương sự cư trú;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Nguyên Kim